TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **29**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2022
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Võ Thanh Liêm.

2. Ông Danh Thi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17A/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hồng B**, sinh năm 1972 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn D**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã VB, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DNG VỤ ÁN:

******* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/6/2021, bản tự khai không đề ngày tháng năm 2021, biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị* ***Nguyễn Hồng B*** *trình bày*:

Chị và anh Phạm Văn D chung sống với nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D thường

xuyên ăn nhậu về nhà kiếm chuyện với mẹ con chị, đánh chị nhiều lần bằng tay, vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn để chung sống mong thời gian anh D sẽ thay đổi, nhưng anh D vẫn tính nào tật ấy, không chịu sửa đổi, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều, không thể khắc phục được và đã thật sự ly thân nhau từ tháng 3 năm 2016 đến nay. Từ khi ly thân đến nay không ai còn quan tâm đến ai.

Về con: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 15/3/2002 và Phạm Thị Kim T, sinh ngày 02/11/2007.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Phạm Văn D;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Thị Kim T, sinh ngày 02/11/2007, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm ruộng với diện tích đất 08 công tầm 03 mét, tọa lạc tại ấp M, xã VB, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên có thu nhập ổn định mỗi tháng trên 5.000.000 đồng. Vì vậy, xác định bản thân đủ điều kiện nuôi con mà không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị; đối với Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 15/3/2002 đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng B vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn anh Phạm Văn D vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Hồng B trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét

xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Phạm Văn D trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho chị Nguyễn Hồng B ly hôn anh Phạm Văn D; về nuôi con chung, giao Phạm Thị Kim T, sinh ngày 02/11/2007 cho chị B trực tiếp nuôi, anh D không cấp dưỡng nuôi con cùng chị B sau khi vợ chồng ly hôn, đối với Phạm Thị Thúy V sinh ngày 15/3/2002 đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không xem xét; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn anh Phạm Văn D biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng B. Nhưng bị đơn anh D không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh D, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh D vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho bị đơn anh Phạm Văn D, nhưng bị đơn anh D vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh D, nhưng bị đơn anh D vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị B không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn D theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội Dng:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Hồng B và anh Phạm Văn D khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã VB cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2005. Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh D là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng B thấy rằng: Theo chị B trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh D không chí thú làm ăn, mà thường xuyên ăn nhậu dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều, không thể khắc phục được nên đã thật sự ly thân nhau một thời gian dài từ tháng 3 năm 2016 đến nay. Đồng thời hai bên không còn thể hiện sự quan tâm, thương yêu lẫn nhau.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị B và anh D là có thật, phù hợp với lời trình bày của chị B nêu trên (Bút lục số 43).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo chị B, vợ chồng có 02 đứa con chung tên Phạm Thị Thúy V sinh ngày 15/3/2002 và Phạm Thị Kim T, sinh ngày 02/11/2007. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Phạm Thị Kim T, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn; đối với Phạm Thị Thúy V đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội Dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho anh D, nhưng anh D vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của chị B nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, cháu Phạm Thị Kim T cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến cũng như được Tòa án thu thập, sau khi cha mẹ (chị B, anh D) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị B. Việc chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của chị B nêu ra và chứng cứ thu thập

được thì hiện nay chị có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị B. Vì vậy, cần giao cháu Phạm Thị Kim T, sinh ngày 02/11/2007 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị B và anh D ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; đối với cháu Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 15/3/2002 đã thành niên và tự lao động, sinh sống được, đồng thời các đương sự không tranh chấp yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo chị B vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị B về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh D biết, nhưng đến nay anh D không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị B và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (chị B, anh D) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng B có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng B ly hôn anh Phạm Văn D.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Kim T, sinh ngày 02/11/2007 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng *(đúng theo nguyện vọng của Phạm Thị Kim T)*, anh D không cấp dưỡng nuôi con cùng chị B sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Nguyễn Hồng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003543 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/4/2022); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã VB;
- UBND xã ĐH;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh